

NGHỊ QUYẾT

**Quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn
và cô đỡ thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số
chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên
y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu
chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội
dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ
thôn, bản;*

*Xét Tờ trình số 1373/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng
tháng đối với nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
Báo cáo thẩm tra số 85/BC-VHXXH ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Văn hóa
- Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định số lượng và mức hỗ trợ
hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân
viên y tế tại các thôn, làng, buôn, bôn, plei, ploi (gọi chung là thôn); cô đỡ thôn
tại các thôn thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc
biệt khó khăn, xã vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo được xác định còn khó khăn
trong công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em (tại Phụ lục ban hành kèm
theo Nghị quyết này) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại thôn (gọi
chung là nhân viên y tế thôn);

b) Nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại thôn (gọi chung là cô đỡ thôn) được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Số lượng nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn

1. Số lượng nhân viên y tế thôn

a) Đối với các thôn tại các xã khó khăn và xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ:

- Có dưới 350 hộ gia đình: được bố trí 01 nhân viên y tế thôn;
- Có từ 350 hộ gia đình đến dưới 700 hộ gia đình: được bố trí 02 nhân viên y tế thôn;
- Có từ 700 hộ gia đình trở lên: được bố trí 02 nhân viên y tế thôn, cứ tăng đủ 350 hộ gia đình thì được bố trí tăng thêm 01 nhân viên y tế thôn.

b) Đối với các thôn còn lại:

- Có dưới 700 hộ gia đình: được bố trí 01 nhân viên y tế thôn;
- Có từ 700 hộ gia đình đến dưới 1.400 hộ gia đình: được bố trí 02 nhân viên y tế thôn;
- Có từ 1.400 hộ gia đình trở lên: được bố trí 02 nhân viên y tế thôn, cứ tăng đủ 700 hộ gia đình thì được bố trí tăng thêm 01 nhân viên y tế thôn.

2. Số lượng cô đỡ thôn

Mỗi thôn tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được bố trí 01 cô đỡ thôn.

Điều 3. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn

1. Mức 1.780.000 đồng/người/tháng: áp dụng đối với nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn làm việc tại:

a) Các thôn thuộc xã khó khăn và xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ;

b) Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên.

2. Mức 1.300.000 đồng/người/tháng: áp dụng đối với nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn làm việc tại các thôn không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp nhân viên y tế thôn kiêm nhiệm nhiệm vụ cô đỡ thôn đáp ứng tiêu chuẩn và được cấp có thẩm quyền phân công thực hiện cả hai nhiệm vụ thì được hưởng đồng thời mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2026.
2. Nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn đang thực hiện nhiệm vụ và thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 192/2026/NĐ-CP chưa được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng theo quy định thì được hưởng mức quy định tại Nghị quyết này.
3. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nhân viên y tế thôn và cô đỡ thôn thuộc số lượng được quy định tại Nghị quyết này, đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 2 Thông tư số 27/2023/TT-BYT và được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phân công thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng theo quy định tại Nghị quyết này.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung



Phụ lục

(Bản hành kèm theo Nghị quyết số 93/2026/NQ-HĐND)

DANH SÁCH CÁC THÔN, LÀNG, BUÔN, BÔN, PLEI, PLOI ĐƯỢC XÁC ĐỊNH CƠNG KHẨN TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE BÀ MẸ VÀ TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
1	Phường An Phú	Phường	I	Làng Thung Dôr	
2	Phường An Phú	Phường	I	Làng Mơ Nú	
3	Phường An Phú	Phường	I	Làng Nhả Prông	
4	Xã Al Bá	Xã	III	Làng Amil	
5	Xã Al Bá	Xã	III	Làng Blút Griêng	
6	Xã Al Bá	Xã	III	Làng Chur Ruồi Sul	
7	Xã Al Bá	Xã	III	Làng Dơ Nông Ó	
8	Xã Al Bá	Xã	III	Làng Ia H'Boong	
9	Xã Al Bá	Xã	III	Làng Tung Ke	
10	Xã Al Bá	Xã	III	Làng U Róh	
11	Xã Al Bá	Xã	III	Thôn Tứ Kỳ	
12	Xã An Hòa	Xã	II	Thôn An Quang	
13	Xã An Lão	Xã	III	Thôn Hòa Bình	
14	Xã An Toàn	Xã	III	Thôn 1	
15	Xã An Toàn	Xã	III	Thôn 3	
16	Xã Ân Tường	Xã	III	Thôn Đak Mang	
17	Xã An Vinh	Xã	III	Thôn 5	
18	Xã An Vinh	Xã	III	Thôn 6	
19	Xã An Vinh	Xã	III	Thôn 7	
20	Xã Ayun	Xã	III	Thôn 3	
21	Xã Ayun	Xã	III	Làng Plei Bông	
22	Xã Ayun	Xã	III	Làng Đêkjêng	
23	Xã Ayun	Xã	III	Làng Đê Bơ Tok	
24	Xã Ayun	Xã	III	Làng Kon Brung	
25	Xã Ayun	Xã	III	Làng Bông Pim	
26	Xã Bàu Cạn	Xã	III	Làng Mui	
27	Xã Bàu Cạn	Xã	III	Thôn Thăng Hưng Đông	
28	Xã Bàu Cạn	Xã	III	Thôn Thanh An	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
29	Xã Biển Hồ	Xã	III	Thôn Nghĩa Hưng 4	
30	Xã Bờ Ngoong	Xã	III	Làng Tơ Drăh	
31	Xã Bờ Ngoong	Xã	III	Làng Phăm Ó	
32	Xã Bờ Ngoong	Xã	III	Làng Thoong Nha	
33	Xã Bờ Ngoong	Xã	III	Làng Hố Lâm	
34	Xã Canh Liên	Xã	III	Làng Hà Giao	
35	Xã Canh Liên	Xã	III	Làng Đak Lâu	
36	Xã Canh Vinh	Xã	III	Thôn Canh Hiệp	
37	Xã Chơ Long	Xã	III	Làng Kúc Gmỏi	
38	Xã Chơ Long	Xã	III	Làng Kúc Rơng	
39	Xã Chơ Long	Xã	III	Làng Tpôn	
40	Xã Chơ Long	Xã	III	Làng Brul-Klăh	
41	Xã Chơ Long	Xã	III	Làng Tπέ	
42	Xã Chư A Thai	Xã	III	Thôn Plei Mun Măk	
43	Xã Chư A Thai	Xã	III	Thôn Đoàn Kết	
44	Xã Chư A Thai	Xã	III	Thôn Plei Oi	
45	Xã Chư A Thai	Xã	III	Thôn Drok	
46	Xã Chư A Thai	Xã	III	Thôn Plei Pông	
47	Xã Chư Krey	Xã	III	Làng Chiêu Liêu	
48	Xã Chư Krey	Xã	III	Làng Biên	
49	Xã Chư Krey	Xã	III	Làng Lơ Pơ	
50	Xã Chư Krey	Xã	III	Thôn 6	
51	Xã Chư Păh	Xã	II	Thôn Phú Hoà 2	
52	Xã Chư Păh	Xã	II	Thôn Nghĩa Hòa 1	
53	Xã Chư Păh	Xã	II	Thôn Nghĩa Hòa 2	
54	Xã Chư Prông	Xã	II	Làng Pó	
55	Xã Chư Pưh	Xã	III	Plei Thơ Ga	
56	Xã Chư Pưh	Xã	III	Plei Lao	
57	Xã Chư Pưh	Xã	III	Plei Djriêk	
58	Xã Chư Pưh	Xã	III	Thôn Hòa Bình	
59	Xã Chư Pưh	Xã	III	Plei Tao	
60	Xã Chư Pưh	Xã	III	Plei Ia Ke	
61	Xã Chư Pưh	Xã	III	Plei Briêng	
62	Xã Chư Pưh	Xã	III	Plei Phung	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
63	Xã Chư Sê	Xã	I	Thôn Dun Bêu	
64	Xã Chư Sê	Xã	I	Thôn An Điền	
65	Xã Chư Sê	Xã	I	Thôn Vinh Hà	
66	Xã Chư Sê	Xã	I	Làng Greo Pét	
67	Xã Chư Sê	Xã	I	Thôn Yon Tok	
68	Xã Chư Sê	Xã	I	Làng Del	
69	Xã Cửu An	Xã	II	Làng Hòa Bình	
70	Xã Cửu An	Xã	II	Thôn An Bình	
71	Xã Cửu An	Xã	II	Làng Pốt	
72	Xã Gào	Xã	III	Plei Gao B	
73	Xã Gào	Xã	III	Plei De Chí	
74	Xã Hra	Xã	III	Làng Chrong	
75	Xã Hra	Xã	III	Làng Kon Chrah	
76	Xã Hra	Xã	III	Làng KDung	
77	Xã Hra	Xã	III	Làng Bok Ayol	
78	Xã Hra	Xã	III	Làng Kret Krot	
79	Xã Ia Băng	Xã	III	Thôn Biă Tih	
80	Xã Ia Băng	Xã	III	Thôn O	
81	Xã Ia Băng	Xã	III	Thôn Alphun	
82	Xã Ia Boòng	Xã	III	Thôn Xuân Me	
83	Xã Ia Boòng	Xã	III	Thôn Yên Me	
84	Xã Ia Boòng	Xã	III	Làng Đê - Sơ	
85	Xã Ia Boòng	Xã	III	Làng Riêng	
86	Xã Ia Boòng	Xã	III	Làng Sung O - Boòng Nga	
87	Xã Ia Boòng	Xã	III	Làng La	
88	Xã Ia Chia	Xã	III	Làng Beng	
89	Xã Ia Chia	Xã	III	Làng Lang	
90	Xã Ia Chia	Xã	III	Làng Kom	
91	Xã Ia Dơk	Xã	III	Làng Ghè	
92	Xã Ia Dơk	Xã	III	Làng Pong	
93	Xã Ia Dơk	Xã	III	Làng Dơk Ngol	
94	Xã Ia Dơk	Xã	III	Làng Sung Kép	
95	Xã Ia Dom	Xã	III	Thôn MooK Đen	
96	Xã Ia Dom	Xã	III	Thôn Mook Trêl	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
97	Xã Ia Dom	Xã	III	Thôn Mook Trang	
98	Xã Ia Dom	Xã	III	Làng Bi	
99	Xã Ia Dreh	Xã	III	Buôn Ia Sóa	
100	Xã Ia Dreh	Xã	III	Buôn Ia Krông	
101	Xã Ia Grai	Xã	II	Làng Bẹk	
102	Xã Ia Grai	Xã	II	Làng Dun De	
103	Xã Ia Hiao	Xã	III	Thôn Sô Ma Hang	
104	Xã Ia Hiao	Xã	III	Thôn Sô Ma Rong	
105	Xã Ia Hiao	Xã	III	Thôn Sô Ma Long	
106	Xã Ia Hiao	Xã	III	Bôn Hiao	
107	Xã Ia Hiao	Xã	III	Thôn Điểm 9	
108	Xã Ia Hiao	Xã	III	Bôn Chư Plah Jai	
109	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Lũh Yố	
110	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Plei Dư	
111	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Lũh Ngó	
112	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Bê Tel	
113	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Khô Roa	
114	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Ia Sâm	
115	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Tung Đào	
116	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Tung Mo A	
117	Xã Ia Hnú	Xã	III	Làng Kte	
118	Xã Ia Hnú	Xã	III	Làng Dek	
119	Xã Ia Hnú	Xã	III	Thôn Ia Sa	
120	Xã Ia Hnú	Xã	III	Làng Kueng Đon	
121	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Blang	
122	Xã Ia Hrun	Xã	II	Thôn Tân Sao	
123	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Jut	
124	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Breng 3	
125	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Ngai Ngó	
126	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Bỏ	
127	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Nang	
128	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Ó	
129	Xã Ia Hrun	Xã	II	Làng Máih	
130	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Rơ Vai	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
131	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Pok	
132	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Tơ Vơ	
133	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Kách	
134	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Mor	
135	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Kon Sơ Lãng	
136	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Kon Mãnh	
137	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Kon Sơ Lăl	
138	Xã Ia Khuol	Xã	III	Làng Tuêk	
139	Xã Ia Ko	Xã	III	Thôn 3	
140	Xã Ia Ko	Xã	III	Thôn 4	
141	Xã Ia Ko	Xã	III	Làng Plong	
142	Xã Ia Ko	Xã	III	Làng O Grung	
143	Xã Ia Ko	Xã	III	Làng O Bung	
144	Xã Ia Ko	Xã	III	Làng Sur A	
145	Xã Ia Krái	Xã	III	Thôn Kmông	
146	Xã Ia Krái	Xã	III	Thôn Ia Khai	
147	Xã Ia Krái	Xã	III	Thôn Bi Ia Yom	
148	Xã Ia Krái	Xã	III	Thôn Ia Blan	
149	Xã Ia Krái	Xã	III	Thôn Ia Châm	
150	Xã Ia Krái	Xã	III	Thôn Delung	
151	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Le	
152	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Yít Rông	
153	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Krol Krêl	
154	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Ngo Rông	
155	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Phang	
156	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Klũh Yêh	
157	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Nêh	
158	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Al Gôn	
159	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Ngo Le	
160	Xã Ia Krêl	Xã	III	Làng Khóp	
161	Xã Ia Lâu	Xã	III	Làng Đút	
162	Xã Ia Lâu	Xã	III	Làng Tu	
163	Xã Ia Lâu	Xã	III	Thôn Hòa Bình	
164	Xã Ia Lâu	Xã	III	Thôn Ninh Hòa	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
165	Xã Ia Lâu	Xã	III	Làng Me	
166	Xã Ia Lâu	Xã	III	Làng Pior	
167	Xã Ia Lâu	Xã	III	Làng Phung	
168	Xã Ia Le	Xã	III	Thôn Ia Jol	
169	Xã Ia Le	Xã	III	Thôn Puối Lốp	
170	Xã Ia Le	Xã	III	Thôn Ia Bia	
171	Xã Ia Le	Xã	III	Làng Kuăi	
172	Xã Ia Le	Xã	III	Thôn Kênh Săn	
173	Xã Ia Ly	Xã	III	Làng Mun	
174	Xã Ia Ly	Xã	III	Làng Díp	
175	Xã Ia Ly	Xã	III	Làng Dôch	
176	Xã Ia Mơ	Xã	III	Làng Klăh	
177	Xã Ia Nan	Xã	III	Làng Nú	
178	Xã Ia Nan	Xã	III	Làng Son	
179	Xã Ia O	Xã	III	Làng O	
180	Xã Ia O	Xã	III	Làng Bi	
181	Xã Ia O	Xã	III	Làng Cúc	
182	Xã Ia O	Xã	III	Làng Mít Jép	
183	Xã Ia Pa	Xã	III	Bôn Thăm	
184	Xã Ia Pa	Xã	III	Plơi RNgôl	
185	Xã Ia Pa	Xã	III	Plơi Ia Mron	
186	Xã Ia Pa	Xã	III	Thôn Blôm	
187	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Yăng	
188	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Pơ Tum	
189	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Or	
190	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Prép	
191	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Mrông Yô	
192	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Mrông Ngó	
193	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Bàng	
194	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Bluk Blui	
195	Xã Ia Phí	Xã	III	Làng Roih	
196	Xã Ia Pia	Xã	III	Làng Doách	
197	Xã Ia Pnôn	Xã	III	Làng Chan	
198	Xã Ia Pnôn	Xã	III	Làng Bua	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
199	Xã Ia Púch	Xã	III	Làng Brang	
200	Xã Ia Púch	Xã	III	Làng Goòng	
201	Xã Ia Rbol	Xã	III	Bôn Krăi	
202	Xã Ia Rbol	Xã	III	Bôn Rung Ma Đoan	
203	Xã Ia Rbol	Xã	III	Bôn Bir	
204	Xã Ia Rbol	Xã	III	Bôn Chur Băh	
205	Xã Ia Rsai	Xã	III	Thôn Chur Gu	
206	Xã Ia Rsai	Xã	III	Thôn Chur Rcăm	
207	Xã Ia Rsai	Xã	III	Buôn Đoàn Kết	
208	Xã Ia Rsai	Xã	III	Buôn Du	
209	Xã Ia Rsai	Xã	III	Thôn Quỳnh Phụ	
210	Xã Ia Rsai	Xã	III	Buôn Gum Gôp	
211	Xã Ia Rsai	Xã	III	Buôn Chur Jú	
212	Xã Ia Sao	Xã	III	Bôn Khăn	
213	Xã Ia Sao	Xã	III	Bôn Ama Tí	
214	Xã Ia Tôr	Xã	III	Làng Đoàn Kết-Ó Kly	
215	Xã Ia Tôr	Xã	III	Làng Nêh Xo	
216	Xã Ia Tôr	Xã	III	Làng Bang Ngol	
217	Xã Ia Tôr	Xã	III	Làng Anh	
218	Xã Ia Tôr	Xã	III	Làng Tor Bang	
219	Xã Ia Tôr	Xã	III	Làng Phun - Thanh	
220	Xã Ia Tul	Xã	III	Bôn Broăi	
221	Xã Ia Tul	Xã	III	Bôn Tơ Khế	
222	Xã Ia Tul	Xã	III	Bôn Biah B	
223	Xã Ia Tul	Xã	III	Bôn Biah A	
224	Xã Ia Tul	Xã	III	Ploi Apa O'i H' Trông	
225	Xã Ia Tul	Xã	III	Ploi Apa Ama Đá	
226	Xã Ia Tul	Xã	III	Ploi Apa Ama H' Lăk	
227	Xã Ia Tul	Xã	III	Ploi Apa O'i H' Briu	
228	Xã Ia Tul	Xã	III	Bôn Dlai Bâu	
229	Xã Ia Tul	Xã	III	Ploi Toan	
230	Xã Kbang	Xã	II	Thôn 1	
231	Xã Kbang	Xã	II	Làng Bôn	
232	Xã Kbang	Xã	II	Làng Đak Smar	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
233	Xã KDang	Xã	III	Thôn Botgrek	
234	Xã KDang	Xã	III	Thôn Blung	
235	Xã KDang	Xã	III	Thôn Kò	
236	Xã KDang	Xã	III	Thôn Kol	
237	Xã Kim Sơn	Xã	III	Thôn Bà Bơi	
238	Xã Kon Chiêng	Xã	III	Thôn King	
239	Xã Kon Chiêng	Xã	III	Thôn Git	
240	Xã Kon Chiêng	Xã	III	Thôn Đăk Ó	
241	Xã Kon Chiêng	Xã	III	Thôn Kông Chiêng	
242	Xã Kon Chiêng	Xã	III	Thôn Đăk Trôi	
243	Xã Kon Chiêng	Xã	III	Thôn Đăk Bơt	
244	Xã Kông Bơ La	Xã	III	Làng Đak Lă	
245	Xã Kông Bơ La	Xã	III	Làng Lọc	
246	Xã Kông Bơ La	Xã	III	Thôn Nghĩa An 2	
247	Xã Kông Chro	Xã	III	Thôn Yang Trung	
248	Xã Kông Chro	Xã	III	Làng Vơn	
249	Xã Krong	Xã	III	Làng Sơ Lam	
250	Xã Krong	Xã	III	Làng Hro	
251	Xã Krong	Xã	III	Làng Tăng Lãng	
252	Xã Krong	Xã	III	Làng Đăk Kơpơr	
253	Xã Krong	Xã	III	Làng Đăk Bok	
254	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Pơ Nang	
255	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Đak Hlă	
256	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Churp	
257	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Roh	
258	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Groi	
259	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Ar Dôch Kơ Tu	
260	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Ar Tơ Măn	
261	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Đôn Hyang	
262	Xã Lơ Pang	Xã	III	Thôn Ar Bơ Tơk	
263	Xã Mang Yang	Xã	III	Làng Đăk Yă	
264	Xã Mang Yang	Xã	III	Thôn Kon Dong 1	
265	Xã Mang Yang	Xã	III	Làng Đê Rơn	
266	Xã Mang Yang	Xã	III	Làng Đê Kôp Duol	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
267	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Plei Tel	
268	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Plei Klah	
269	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Hiệp Thắng	
270	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Thắng Lợi 2	
271	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Ia Yeng	
272	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Plei Kte	
273	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Plei Kual	
274	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Plei Chrung	
275	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Plei Trang	
276	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Plei Rbai	
277	Xã Phú Thiện	Xã	III	Thôn Mơ Lan	
278	Xã Phú Túc	Xã	III	Buôn Chư Ngọc	
279	Xã Phú Túc	Xã	III	Buôn Ia Mlah	
280	Xã Phú Túc	Xã	III	Buôn Đất Bằng	
281	Xã Phú Túc	Xã	III	Buôn Ma Giai	
282	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn Bi Gia	
283	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn Bi Giông	
284	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn 3	
285	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn 2	
286	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn 1	
287	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn Voòng Boong	
288	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn Bình Hòa	
289	Xã Pờ Tó	Xã	III	Thôn Plei Du	
290	Xã Sơn Lang	Xã	III	Thôn 1	
291	Xã Sơn Lang	Xã	III	Thôn 2	
292	Xã Sơn Lang	Xã	III	Thôn 3	
293	Xã Sơn Lang	Xã	III	Thôn 5	
294	Xã Sơn Lang	Xã	III	Thôn 6	
295	Xã Sơn Lang	Xã	III	Thôn 7	
296	Xã Sơn Lang	Xã	III	Thôn 8	
297	Xã SRó	Xã	III	Làng Sơ Ró Kươk	
298	Xã SRó	Xã	III	Làng Bơ Ya	
299	Xã SRó	Xã	III	Làng Nhang Htiên	
300	Xã SRó	Xã	III	Làng Hrách	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
301	Xã Tơ Tung	Xã	III	Làng Sơ Tor	
302	Xã Tơ Tung	Xã	III	Làng Mohra	
303	Xã Tơ Tung	Xã	III	Làng Bờ Ngải	
304	Xã Tơ Tung	Xã	III	Làng Đầm Khong	
305	Xã Uar	Xã	III	Buôn Nu	
306	Xã Uar	Xã	III	Buôn Ia Jip	
307	Xã Uar	Xã	III	Thôn Huy Hoàng	
308	Xã Uar	Xã	III	Thôn Thanh Bình	
309	Xã Uar	Xã	III	Buôn Tiang	
310	Xã Uar	Xã	III	Buôn Phùm	
311	Xã Uar	Xã	III	Buôn Chur Krih	
312	Xã Uar	Xã	III	Buôn Thành Công	
313	Xã Vân Canh	Xã	III	Làng Canh Giao	
314	Xã Vân Canh	Xã	III	Làng Canh Sơn	
315	Xã Vân Canh	Xã	III	Làng Hà Văn Trên	
316	Xã Vạn Đức	Xã	II	Thôn Ân Sơn	
317	Xã Vĩnh Quang	Xã	III	Thôn Tiên An	
318	Xã Vĩnh Quang	Xã	III	Thôn Vĩnh Hòa	
319	Xã Vĩnh Quang	Xã	III	Thôn Vĩnh Thuận	
320	Xã Ya Hội	Xã	III	Làng Đak Hway 2	
321	Xã Ya Hội	Xã	III	Thôn An Quý	
322	Xã Ya Hội	Xã	III	Làng Đak Hway 1	
323	Xã Ya Ma	Xã	III	Làng Húp	
324	Xã Ya Ma	Xã	III	Làng Hưnh Dong	
325	Xã Ya Ma	Xã	III	Làng Kông Yang	
326	Xã Ya Ma	Xã	III	Làng Tnung - Măng	
327	Xã Ya Ma	Xã	III	Làng Đăk Hway	
328	Xã Ya Ma	Xã	III	Làng Đăk Tơ Pang	
329	Xã Đak Pơ	Xã	III	Làng Gliek	
330	Xã Đak Pơ	Xã	III	Thôn 3	
331	Xã Đak Pơ	Xã	III	Làng Bút	
332	Xã Đak Pơ	Xã	III	Làng Hway	
333	Xã Đak Pơ	Xã	III	Thôn 5	
334	Xã Đak Pơ	Xã	III	Làng Kruối Chai	

STT	Xã/Phường	Loại ĐVHC	Vùng	Tên thôn/làng	Ghi chú
335	Xã Đak Rong	Xã	III	Làng Kon Lanh	
336	Xã Đak Rong	Xã	III	Làng Kon Pne	
337	Xã Đak Rong	Xã	III	Làng Đak Tơ Neng	
338	Xã Đak Rong	Xã	III	Làng Kon Von	
339	Xã Đak Somei	Xã	III	Làng Kon Jôt Nak	
340	Xã Đak Somei	Xã	III	Làng Kon Mahar Sơ Nglok	
341	Xã Đak Somei	Xã	III	Làng Đê Gôh	
342	Xã Đak Somei	Xã	III	Làng Tul Đoa	
343	Xã Đak Somei	Xã	III	Làng Bok Rei	
344	Xã Đak Somei	Xã	III	Làng Pral Somei	
345	Xã Đak Somei	Xã	III	Làng Kon Pơ Dram	
346	Xã Đăk Song	Xã	III	Làng Blà - Krăc	
347	Xã Đăk Song	Xã	III	Làng Kte-H'ôn	
348	Xã Đăk Song	Xã	III	Làng Đăk Pling	
349	Xã Đak Đoa	Xã	II	Thôn Tươh Ktu	
350	Xã Đak Đoa	Xã	II	Thôn Dôr 1	
351	Xã Đức Cơ	Xã	II	Làng Ấp	
352	Xã Đức Cơ	Xã	II	Làng Krai	
353	Xã Đức Cơ	Xã	II	Làng Lung Prông	
354	Xã Đức Cơ	Xã	II	Làng Hrang	

